

Số: *262* /QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày *21* tháng 01 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng Đề án  
Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 - 2020

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề cương Đề án “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030 và bộ công cụ điều tra, khảo sát;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2884/TTr-SNN-PTNT ngày 22 tháng 12 năm 2017 và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 70/STC-HCSN ngày 05 tháng 01 năm 2018,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí xây dựng Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 - 2020”, với các nội dung chủ yếu sau đây:

**1. Tên nhiệm vụ:** Xây dựng Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 - 2020”.

**2. Đơn vị chủ quản:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**3. Đơn vị thực hiện:** Chi cục Phát triển nông thôn.

**4. Phạm vi thực hiện:** Trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**5. Mục tiêu tổng quát:**

- Phát triển kinh tế khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân, thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. *th*

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng cộng đồng để sản xuất các sản phẩm truyền thống, sản phẩm có lợi thế ở khu vực nông thôn góp phần phát triển kinh tế nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị.

- Thông qua việc phát triển sản xuất tại địa bàn khu vực nông thôn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn; hạn chế nông dân di cư ra thành phố, bảo vệ môi trường và giữ gìn, phát triển xã hội khu vực nông thôn Việt Nam bền vững.

**6. Nội dung chính của nhiệm vụ:**

- Điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu.
- Tổ chức các hội thảo tham vấn cấp huyện, tỉnh.
- Xây dựng Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018 - 2020.

**7. Thời gian thực hiện nhiệm vụ:** Hoàn thành trước 31/7/2018.

**8. Sản phẩm:**

- Đề án hoàn chỉnh: 05 quyển.
- Báo cáo tóm tắt Đề án: 05 quyển.
- Đĩa CD ghi tất cả các báo cáo, bảng biểu số liệu, phụ lục: 02 đĩa.

**9. Đề cương:** Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 - 2020” (Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

**10. Dự toán kinh phí:** 500 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn).

(Chi tiết có Phụ lục 2 kèm theo)

**11. Nguồn kinh phí:** Nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện đạt chất lượng, theo đúng tiến độ đề ra; sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả và đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn; Chánh văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

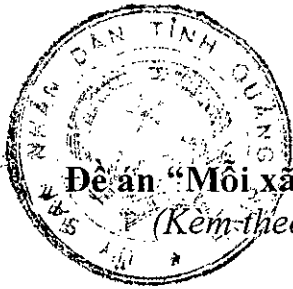
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN, KTTH;
- Lưu: VT, CVNN.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Ngân



## Phụ lục I

### ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ

**Đề án “Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 - 2020”**

(Kèm theo Quyết định số: 264 /QĐ-UBND ngày 24 /01/2018)

#### Một số từ viết tắt

OCOP	One Commune One Product: Mỗi xã, phường một sản phẩm
MLMN	Mỗi làng một nghề
MTQG	Mục tiêu quốc gia
SMEs	Small and medium enterprises: Doanh nghiệp nhỏ và vừa
HTX	Hợp tác xã
THT	Tổ hợp tác

### THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên Đề án

Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018-2020 (gọi tắt là OCOP-QB)

2. Cơ quan chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình

3. Phạm vi và địa bàn thực hiện: Trong phạm vi toàn tỉnh.

#### 4. Giải nghĩa “Mỗi xã một sản phẩm”

- Xã: Một xã, hoặc nhiều xã, liên xã, liên huyện sản xuất một hoặc nhiều sản phẩm. Xã là đơn vị cấp xã, khuyến khích thực hiện cả ở khu vực đô thị (phường, thị trấn).

- Sản phẩm: Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ sản phẩm.

#### Phần thứ nhất

### SỰ CẦN THIẾT TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN “MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM”

#### I. TÌNH HÌNH NÔNG THÔN MỚI QUẢNG BÌNH SAU 06 NĂM (2010-2016) TRIỂN KHAI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

##### 1. Tổng hợp những vấn đề cơ bản về khu vực nông thôn Quảng Bình

Khu vực nông thôn có vai trò quan trọng trong phát triển đất nước nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng, là khu vực giữ sự cân bằng về hệ sinh thái và xã hội, là nơi sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực, nơi có các nghề thủ công truyền thống, nơi có nguồn lực lao động ban đầu – vốn quý trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Theo thống kê sơ bộ đến năm 2016, dân số *th*

khu vực nông thôn tỉnh Quảng Bình là 705.336 nghìn người, chiếm 80,3% dân số toàn tỉnh.

## **2. Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2015 và năm 2017**

Giai đoạn 2010 – 2015 toàn tỉnh có 1.665 tiêu chí đạt chuẩn, tăng 1.169 tiêu chí so với trước khi triển khai, đạt bình quân 12,2 tiêu chí/xã. Số xã đạt 19 tiêu chí: 30 xã chiếm 22,1%, cao hơn 5,6% so với bình quân chung của cả nước.

Đến cuối năm 2017 toàn tỉnh có 1.986 tiêu chí đạt chuẩn, tăng 91 tiêu chí so với cuối năm 2016, đạt 14,6 tiêu chí/xã, tăng 0,9 tiêu chí/ xã so với cuối năm 2016. Số xã đạt 19 tiêu chí: 52 xã, chiếm 38,2%, tăng 09 xã so với cuối năm 2016.

## **3. Yêu cầu nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới**

Với tinh thần, chủ trương cả một quốc gia khởi nghiệp theo phát động của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, cần có sự khởi nghiệp của cả đội ngũ nông dân đông đảo hiện nay, cần có sự tổ chức khoa học với sự chỉ đạo, hỗ trợ, dẫn dắt của Nhà nước để nông thôn thực sự làm chủ, phát huy sự chủ động, sáng tạo trong phát triển kinh tế từ những lợi thế của mỗi địa phương trong cả nước.

Ngày 02/3/2017, tại Hội nghị “Phát triển Mỗi xã một sản phẩm trong xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp” tổ chức ở tỉnh Quảng Ninh, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng đã có chỉ đạo triển khai chương trình Mỗi xã một sản phẩm trong phạm vi toàn quốc, nhằm phát triển kinh tế khu vực nông thôn, cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, đồng thời thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Từ những thực tiễn nêu trên cho thấy sự cần thiết phải triển khai Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình.

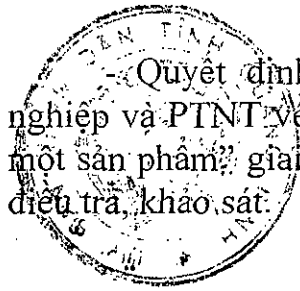
## **II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

- Ngày 5/8/2008, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010, trong đó, đưa ra nội dung phát triển “Mỗi làng, xã một sản phẩm”.

- Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; *h*



Quyết định số 2277/QĐ-BNN-VPĐP ngày 05/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt Đề cương Đề án “Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm” giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030 và bộ công cụ điều tra, khảo sát.

## **Phần thứ hai**

# **KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ KHU VỰC NÔNG THÔN THÔNG QUA PHÒNG TRÀO “MỖI LÀNG MỘT SẢN PHẨM” VÀ TRIỂN KHAI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005-2016**

## **I. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở KHU VỰC NÔNG THÔN**

1. Phong trào Mỗi làng một sản phẩm OVOP của Nhật Bản
2. Chương trình Mỗi cộng đồng một sản phẩm OTOP Thái Lan

## **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI OCOP TẠI VIỆT NAM**

## **III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO QUẢNG BÌNH**

## **IV. THÔNG TIN DỰ BÁO, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM TẠI QUẢNG BÌNH**

Yêu cầu xây dựng “Chính phủ kiến tạo và hành động”, “Quốc gia khởi nghiệp”, nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm thủ công trong bối cảnh toàn cầu hóa và việc hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng.

## **Phần thứ ba**

# **MỤC TIÊU, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC CỦA ĐỀ ÁN MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM**

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Phát triển kinh tế khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân, thực hiện có hiệu quả nhóm tiêu chí “Kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất” trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh (tập trung phát triển thành phần kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân theo hướng công đồng (các HTX, Smes cộng đồng) để sản xuất các sản phẩm truyền thống, sản phẩm có lợi thế ở khu vực nông thôn góp phần phát triển kinh tế nông thôn theo hướng phát triển nội sinh và gia tăng giá trị.

- Thông qua việc phát triển sản xuất tại địa bàn khu vực nông thôn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn; hạn chế nông dân di cư ra thành phố, bảo vệ môi trường và giữ gìn, phát triển xã hội khu vực nông thôn Việt Nam bền vững. *lh*

## 2. Mục tiêu cụ thể

- Hình thành hệ thống tổ chức OCOP Quảng Bình từ tỉnh đến xã, theo hướng gọn nhẹ để triển khai chu trình OCOP thường niên.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đội ngũ cán bộ nhà nước trong hệ thống OCOP (tỉnh, huyện, xã) và lãnh đạo các tổ chức kinh tế tham gia chương trình OCOP.

- Phát triển sản phẩm OCOP, các tổ chức kinh tế tham gia OCOP Quảng Bình (Smes, HTX, THT, hộ sản xuất kinh doanh có đăng ký kinh doanh).

- Có hệ thống xúc tiến và quảng bá sản phẩm OCOP Quảng Bình.

- Nâng cao doanh số bán hàng OCOP của các tổ chức kinh tế.

## II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

### 1. Phạm vi thực hiện

- Chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn, là nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Lấy địa bàn khu vực nông thôn, cụ thể là cấp xã làm đơn vị tổ chức thực hiện, khuyến khích thực hiện Đề án cả ở khu vực đô thị (phường, thị trấn).

### 2. Đối tượng thực hiện, bao gồm

#### 2.1. Sản phẩm

Gồm sản phẩm (hàng hóa) và sản phẩm dịch vụ có nguồn gốc từ địa phương, hoặc được thuần hóa, đặc biệt là đặc sản vùng, miền, trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh về điều kiện sinh thái, nguồn gen, tri thức và công nghệ địa phương.

#### 2.2. Chủ thể thực hiện

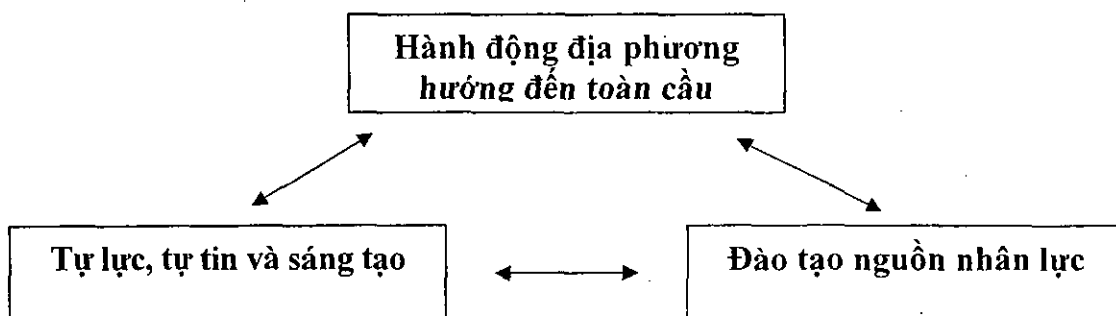
Lấy chủ thể kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể làm nòng cốt, cụ thể là các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhỏ và vừa làm nòng cốt cùng với Tổ hợp tác, hộ sản xuất.

### 3. Nguyên tắc thực hiện: Tuân thủ 3 nguyên tắc của OVOP toàn cầu:

3.1. Hành động địa phương hướng đến toàn cầu

3.2. Tự lực, tự tin và sáng tạo

3.3. Đào tạo nguồn nhân lực



- Hành động địa phương hướng đến toàn cầu: Sản phẩm được chấp nhận ở cấp độ toàn cầu, phản ánh niềm tự hào của văn hóa địa phương, đây là điểm mạnh để cạnh tranh. Để gia nhập thị trường thế giới, các sản phẩm cần được cải tiến, thiết kế lại, cho phù hợp thị hiếu của người tiêu dùng. Do vậy, luôn yêu cầu cải tiến các công nghệ truyền thống để tạo ra các sản phẩm được thị trường thế giới chấp nhận. Để thực hiện điều này, các sản phẩm tham gia OCOP sẽ được tư vấn, hỗ trợ nâng cao chất lượng, hoàn thiện mẫu mã, bao bì... từ đó bắt buộc tham gia thi đánh giá và phân hạng sản phẩm cấp huyện và cấp tỉnh hàng năm.

- Tự lực, tự tin và sáng tạo: Khi tự lực, tự tin và sáng tạo, người dân sẽ có cách hành động phù hợp trong lựa chọn sản phẩm của địa phương mình và tổ chức sản xuất chúng một cách hiệu quả nhất. Sự độc lập lại kích thích tính sáng tạo phát triển một cách tối đa trong cộng đồng dân cư khi tham gia Đề án. Để thực hiện được điều này, người dân sẽ tham gia OCOP theo chu trình thường niên, khởi đầu từ việc đề xuất ý tưởng sản phẩm.

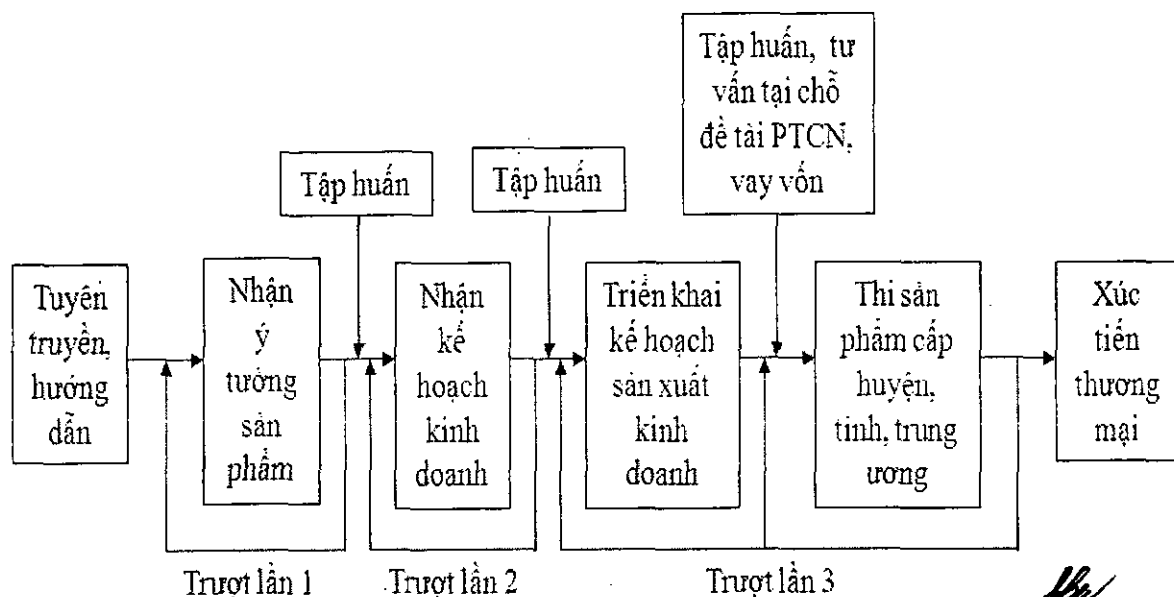
- Nguồn nhân lực, đặc biệt là lớp trẻ, là chìa khóa quan trọng để phát triển nông thôn. Khi lớp trẻ địa phương có động lực, được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết, thì việc phát triển nông thôn của khu vực đó sẽ đem lại hiệu quả. Để thực hiện điều này, giám đốc và chủ tịch hội đồng quản trị của các tổ chức tham gia OCOP sẽ được đào tạo theo chương trình được xây dựng phù hợp, trong suốt quá trình tham gia OCOP.

**Phần thứ tư**  
**NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA**  
**ĐỀ ÁN MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM TỈNH QUẢNG BÌNH**

**I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHU TRÌNH OCOP**

Trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn OCOP tỉnh Quảng Ninh, OCOP tỉnh Quảng Bình được thực hiện theo Chu trình hàng năm (theo sơ đồ dưới đây).

*Sơ đồ chu trình*



Chu trình OCOP được thực hiện theo 6 bước, trên cơ sở nguyên tắc “dân biết, dân bàn, dân làm” (đề xuất nhu cầu từ dưới lên, theo nhu cầu và khả năng của hộ sản xuất, của SMEs, HTX). Trong đó quan trọng là bước thi đánh giá chất lượng sản phẩm.

## **II. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ OCOP THEO 06 NHÓM**

### **1. Thực phẩm (Food)**

Nông sản tươi sống (rau, quả tươi (rau, quả như xoài, dứa, bưởi, chuối, quả có mùi,...); mật ong); sản phẩm thô và sơ chế (dùng để chế biến các sản phẩm như: cá đông lạnh, xúc xích, thịt hun khói... như gạo, thịt tươi, thủy sản tươi); thực phẩm tiện lợi, gồm: đồ ăn nhanh, tương, tương ớt, nước mắm,..., chế biến từ rau, quả, chế biến từ thịt, trứng, sữa, chế biến từ thủy sản, chế biến từ gạo và ngũ cốc.

### **2. Đồ uống (Drink):**

Gồm đồ uống có cồn (rượu ngâm ủ, rượu chưng cất, rượu vang,...); đồ uống không cồn (nước trái cây, trà thảo dược, bột quả, bột gừng, trà, trà thảo dược, sữa đậu nành, sản phẩm lên men,...)

### **3. Thảo dược (Herbal):**

Gồm các sản phẩm có thành phần từ thảo dược như thuốc y học cổ truyền, thực phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu, mỹ phẩm từ thảo dược, chế phẩm xua đuổi/diệt trừ côn trùng,...

### **4. Vải và may mặc (Fabric):**

Gồm các sản phẩm làm từ bông, sợi.

### **5. Lưu niệm - nội thất - trang trí (Derco):**

Gồm các sản phẩm từ gỗ, sợi, mây tre, kim loại, gốm sứ, dệt may,... làm đồ lưu niệm, đồ gia dụng, đồ dùng nhà bếp, đồ nội thất, trang trí các tòa nhà,...

### **6. Dịch vụ du lịch nông thôn, bán hàng (Service):**

Gồm các sản phẩm dịch vụ phục vụ tham quan, du lịch, giải trí, học tập, nghiên cứu,...

## **III. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, THỐNG KÊ, KIỂM SOÁT**

1. Bộ tiêu chí đánh giá và xếp hạng sản phẩm
2. Hệ thống cơ sở dữ liệu OCOP Quảng Bình (nhằm có dữ liệu phân loại cấp độ sản phẩm cấp tỉnh, cấp địa phương (huyện, xã))
3. Công tác kiểm soát, thanh tra

## **IV. CÔNG TÁC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**

1. Công tác quảng cáo, quảng bá sản phẩm
2. Thương mại điện tử (E-commercial)
3. Tổ chức sự kiện hội chợ, triển lãm *lu*





4. Hệ thống bán lẻ: Trung tâm, điểm bán hàng; siêu thị, chợ truyền thống;

## **V. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC**

1. Xây dựng Bộ tài liệu đào tạo, tập huấn OCOP

- Tài liệu quản lý OCOP;

- Tài liệu quản lý sản xuất cho đối tượng SMEs, HTX.

2. Đối tượng đào tạo:

- Nhà quản lý, cán bộ vận hành OCOP cấp tỉnh, huyện, xã.

- Chủ doanh nghiệp, Hợp tác xã, cán bộ kinh doanh, kế toán SMEs, HTX.

## **VI. CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA ĐỀ ÁN**

1. Nhiệm vụ xây dựng Bộ công cụ quản lý OCOP: Tài liệu hướng dẫn triển khai, Bộ Tiêu chí đánh giá và xếp hạng sản phẩm

2. Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý OCOP Quảng Bình.

3. Xây dựng giáo trình đào tạo và thực hiện đào tạo cán bộ quản lý OCOP, CEO cho các SMEs, Hợp tác xã

4. Đề án ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển sản xuất sản phẩm.

5. Đề án hợp tác quốc tế hỗ trợ triển khai thực hiện OCOP.

6. Xúc tiến thương mại sản phẩm (xây dựng trung tâm OCOP cấp tỉnh).

7. Chiến lược truyền thông OCOP Quảng Bình.

8. Xây dựng và triển khai các dự án thành phần nhằm khai thác thế mạnh của nông nghiệp, nông thôn Quảng Bình (về chế biến nông sản, thủy sản, lâm sản, về du lịch...) gắn với các khu vực khó khăn.

### **Phần thứ năm**

## **NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN NÂNG CAO NHẬN THỨC**

- Xác định đây là nhiệm vụ và giải pháp quan trọng trong triển khai thực hiện Đề án Mỗi xã một sản phẩm. Các cấp ủy, chính quyền phải quán triệt sâu sắc về tầm quan trọng và ý nghĩa của Đề án, được thể hiện bằng ý chí và hành động thông qua việc đưa Đề án OCOP vào Nghị quyết hành động của cấp ủy; kế hoạch, chương trình công tác chỉ đạo trọng tâm của chính quyền địa phương để triển khai thực hiện lâu dài và thường xuyên.

- Triển khai quán triệt sâu sắc đến cấp ủy cơ sở, Ban chỉ đạo, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã về Đề án OCOP.

- Xây dựng chiến lược truyền thông toàn diện để thực hiện Đề án.

- Thực hiện tuyên truyền thông qua hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng, tuyên truyền trực quan bằng hình ảnh, khẩu hiệu cụ thể để thực hiện Đề án thường xuyên và liên tục. *th*

## II. XÂY DỰNG TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Thực hiện theo 3 cấp: Tỉnh – Huyện – Xã, bao gồm:

- **Cơ quan chỉ đạo:** Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG cấp tỉnh, huyện, xã.
- **Cơ quan thường trực ở cấp tỉnh:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
  - + Cơ quan tham mưu, giúp việc chuyên trách thực hiện: Chi cục Phát triển nông thôn.
- **Cơ quan thường trực ở cấp huyện:** Phòng Nông nghiệp và PTNT, hoặc phòng Kinh tế.
- **Thường trực ở cấp xã:** Công chức chuyên trách về nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

## III. XÂY DỰNG HỆ THỐNG HỖ TRỢ ĐỀ ÁN OCOP

### 1. Hệ thống tư vấn hỗ trợ

Ngoài hệ thống tổ chức OCOP Quảng Bình, sẽ phát triển hệ thống tư vấn trong quá trình triển khai Đề án, bao gồm các nhà tư vấn độc lập, các doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu,... có kinh nghiệm thực tiễn để bám sát cộng đồng trong các lĩnh vực:

- Tư vấn phát triển SMEs, HTX (tuyên truyền, vận động, hình thành, cơ cấu tổ chức, thiết kế, các quy chế, phương án sản xuất kinh doanh...)
- Tư vấn tài chính (nhu cầu vốn, nguồn vốn, phương pháp tiếp cận, quản lý tài chính vi mô,...)
- Tư vấn phát triển sản phẩm (nhu cầu thị trường, thiết kế sản phẩm, xây dựng tiêu chuẩn,...)
- Tư vấn quản trị doanh nghiệp SMEs, HTX) (sản xuất, nhân lực, R&D), chất lượng, marketing và bán hàng, các kỹ năng,...)
- Tư vấn kỹ thuật/công nghệ


### 2. Hệ thống đối tác OCOP

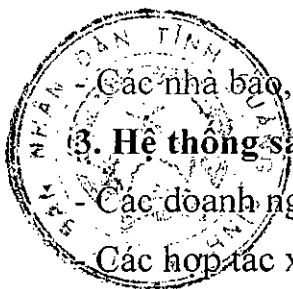
- Các doanh nghiệp tham gia kéo dài chuỗi sản xuất; Cung ứng dịch vụ/vật tư đầu vào, nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, dịch vụ hỗ trợ (thiết kế bao bì, nhãn mác, đăng ký/công bố sản phẩm, tư vấn luật, quản lý sản xuất bằng hệ thống Tem điện tử thông minh...), chế biến nông lâm sản, các nhà bán lẻ, các nhà đầu tư hệ thống trung tâm OCOP.

- Các viện, trường đại học, nhà khoa học trong lĩnh vực ngành hàng của OCOP.

- Các tổ chức/doanh nghiệp quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, Đài phát thanh, truyền hình.

- Các ngân hàng, các quỹ đầu tư.

- Các tổ chức quốc tế, tập trung vào tổ chức JICA (Nhật Bản). 



- Các nhà báo, mạng xã hội Facebook.

### **3. Hệ thống sản xuất**

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

- Các hộ sản xuất (có đăng ký kinh doanh)

## **IV. CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN**

1. Chính sách hỗ trợ tín dụng

2. Chính sách hỗ trợ vùng sản xuất tập trung

3. Chính sách hỗ trợ KHCN: Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao

4. Chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm: Nghiên cứu, thiết kế, tiêu chuẩn hóa sản phẩm

5. Chính sách đào tạo nhân lực: CEO các SMEs, HTX/Cải tiến đào tạo

6. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại:

- Xúc tiến thương mại, quảng cáo

- Đầu tư hệ thống trung tâm, điểm bán hàng OCOP (ưu tiên về thuê đất, hỗ trợ kinh phí trực tiếp để xây dựng, hệ thống thiết bị),...

## **V. TÀI CHÍNH THỰC HIỆN**

1. Tín dụng ngân hàng, tín dụng cộng đồng.

2. Huy động nguồn lực tài chính từ các quỹ đầu tư, các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ.

3. Vốn từ cộng đồng: Vốn góp từ cộng đồng trong quá trình hình thành các HTX, SMEs, phát triển sản phẩm, phát triển sản xuất.

4. Ngân sách nhà nước

- Nguồn ngân sách hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới (điều chỉnh cơ cấu bố trí hỗ trợ phát triển sản xuất để triển khai Đề án).

- Nguồn vốn ngân sách lồng ghép từ phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, các nguồn vốn ngân sách lồng ghép khác.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương

## **Phần thứ sáu TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

1. Tổ chức hội nghị quán triệt các cấp, kể cả cấp Ủy và chính quyền.

2. Xây dựng bộ máy quản lý điều hành Đề án các cấp.

3. Xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch giai đoạn và theo từng năm. *He*

## **II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

### **1. Cấp tỉnh**

- Triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất Đề án OCOP trên quy mô toàn tỉnh.

- Bố trí tổ chức bộ máy quản lý vận hành tham mưu triển khai Đề án OCOP tại địa phương.

- Ban hành các cơ chế chính sách của địa phương để triển khai thực hiện.

- Tư vấn, hỗ trợ và thực hiện các thủ tục hành chính hiệu quả hỗ trợ thành lập SMEs, HTX và phê duyệt các dự án thực hiện có nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, cũng như thực hiện nhanh, gọn các thủ tục hỗ trợ nguồn lực của Nhà nước đối với SMEs, HTX;

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho đội ngũ quản lý, cho giám đốc, cán bộ kinh doanh, kế toán, chủ doanh nghiệp, hợp tác xã;

- Tổ chức các kỳ đánh giá sản phẩm và hội chợ OCOP thường niên;

- Quy hoạch quỹ đất đầu tư xây dựng Trung tâm, điểm bán hàng OCOP;

### **2. Cấp huyện**

- Tổ chức triển khai Đề án OCOP tại địa phương;

- Tổ chức thi đánh giá sản phẩm và hội chợ OCOP thường niên.

- Quy hoạch quỹ đất đầu tư xây dựng Trung tâm, điểm bán hàng sản phẩm OCOP.

- Xây dựng Quỹ phát triển OCOP Quảng Bình.

### **3. Cấp xã**

- Tuyên truyền sâu rộng, phát động nhân dân thi đua và đăng ký phát triển sản phẩm, phát triển SMEs, HTX;

- Triển khai thực hiện chu trình OCOP;

- Thực hiện quy hoạch và triển khai kế hoạch sử dụng đất hiệu quả đối với việc phát triển vùng, quy hoạch sản xuất sản phẩm tập trung;


- Triển khai nhanh chóng các thủ tục hỗ trợ của nhà nước đối với SMEs, HTX;

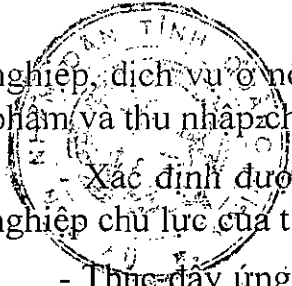
- Tạo môi trường, an ninh tốt để phát triển.

## **Phần thứ bảy**

### **HIỆU QUẢ, Ý NGHĨA TÁC ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN**

#### **I. HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ**

- Là giải pháp thiết thực, hiệu quả cơ cấu lại và phát triển kinh tế nông thôn, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp, phát triển tiểu thủ công 



ng nghiệp, dịch vụ ở nông thôn và đô thị, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm và thu nhập cho cộng đồng.

- Xác định được và có chiến lược, kế hoạch phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quá trình sản xuất và quản lý, tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, có giá trị gia tăng cao.

## **II. HIỆU QUẢ VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG**

- Tạo ra nhiều công ăn việc làm khu vực nông thôn.

- Góp phần phục hồi và phát triển một số sản phẩm truyền thống đang bị mai một, khơi dậy niềm tự hào của người dân mỗi vùng quê giúp họ tự tin, sáng tạo, yêu quê hương (thông qua bảo tồn và phát triển các sản phẩm đặc trưng đậm nét văn hóa vùng miền).

- Tạo ra sự hấp dẫn của khu vực nông thôn, thu hút lao động và nguồn vốn đầu tư về khu vực này (hạn chế dòng người nông thôn kéo ra đô thị), giúp cho xây dựng NTM bền vững, thu hẹp khoảng cách giữa đô thị và nông thôn.

## **III. Ý NGHĨA, TÁC ĐỘNG CỦA OCOP**

Góp phần quảng bá, nâng tầm hình ảnh của Quảng Bình nói chung, của người nông dân nói riêng trong phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện giảm nghèo bền vững./.

**Phụ lục 2: DỰ TOÁN KINH PHÍ**  
**Xây dựng Đề án "Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Bình, giai đoạn 2018 - 2020"**  
 (Kèm theo Quyết định số: *268* /QĐ-UBND ngày *24* /01/2018 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
<b>1</b>	<b>Công thu thập tài liệu thứ cấp, xây dựng Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí</b>				<b>17.875.000</b>
-	Chủ nhiệm (5 công)	Công	5	1.027.000	5.135.000
-	Thành viên thực hiện chính (20 công)	Công	20	637.000	12.740.000
<b>2</b>	<b>Hội thảo tham vấn cấp huyện (1 huyện 1 ngày)</b>				<b>73.720.000</b>
-	Công thành viên chính chuẩn bị báo cáo và tổng hợp thông tin (3 công/hội thảo x 8 huyện, thành phố, thị xã)	Công	24	637.000	15.288.000
-	Công chủ trì, tổ chức hội thảo (2 công/hội thảo x 8 huyện, thành phố, thị xã)	Công	16	1.027.000	16.432.000
-	Hỗ trợ ăn trưa cho các đại biểu (35 người x 8 huyện, thành phố, thị xã)	Người	35*8	150.000	42.000.000
<b>3</b>	<b>Thu thập thông tin cấp xã</b>				<b>230.470.500</b>
-	Chủ nhiệm (1 công x 159 xã)	công	159	1.027.000	163.293.000
-	Thành viên thực hiện chính (0,5 công x 159 xã)	công	79,5	637.000	50.641.500
-	Công giám sát thực hiện việc điều tra khảo sát (0,5 công x 159 xã)	công	79,5	208.000	16.536.000
<b>4</b>	<b>Hội thảo tham vấn cấp tỉnh (1 ngày)</b>				<b>8.965.000</b>
-	Công chuẩn bị báo cáo và tổng hợp thông tin hội thảo (3 công/hội thảo x 1 hội thảo)	Công	3	637.000	1.911.000
-	Công chủ trì, tổ chức hội thảo (2 công/hội thảo x 1 hội thảo)	Công	2	1.027.000	2.054.000
-	Chi phí hội trường, maket, hoa tươi, âm thanh, ánh sáng	HT	1	5.000.000	5.000.000
<b>5</b>	<b>Tổng hợp báo cáo kết quả và xử lý dữ liệu</b>				<b>29.380.000</b>
-	Chủ nhiệm	Công	10	1.027.000	10.270.000
-	Thành viên thực hiện chính	Công	30	637.000	19.110.000
<b>6</b>	<b>Xây dựng thuyết minh đề án OCOP</b>				<b>58.760.000</b>
-	Chủ nhiệm	Công	20	1.027.000	20.540.000
-	Thành viên thực hiện chính	Công	60	637.000	38.220.000
<b>7</b>	<b>Chi hợp lấy ý kiến</b>				<b>14.000.000</b>
-	Nước uống (20 người/cuộc x 5 cuộc x 40.000đồng/ người/ngày)	Người ngày	100	40.000	4.000.000
-	Tiền thù lao cho đại biểu dự họp góp ý (20 người/cuộc x 5 cuộc x 100.000đồng/ người/ngày)	Người ngày	100	100.000	10.000.000
<b>8</b>	<b>Hoàn thiện Đề án và trình phê duyệt</b>				
<b>9</b>	<b>Chi phí đi lại Huế - Quảng Bình</b>				<b>19.500.000</b>
-	Chi phí đi lại từ Huế - Quảng Bình (2 chiều)	Đợt	3	3.000.000	9.000.000

-	Chi phí thuê xe đi từ Đồng Hới đến các huyện (7 huyện, 2 chiều)	Đợt	7	1.500.000	10.500.000
<b>10</b>	<b>Vật liệu</b>				<b>47.329.500</b>
-	In ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm cho điều tra (159 xã x 200.000đ/xã)	xã	159	200.000	31.800.000
-	In ấn, phô tô tài liệu cho Hội thảo (8 hội thảo cấp Huyện + 1 hội thảo cấp tỉnh)	Hội Thảo	9	1.725.500	15.529.500
	<b>Tổng</b>				<b>500.000.000</b>

(Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng)

*De*